

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
		với bông	
	5509.69	-- Loại khác	CTH
		- Sợi khác:	
	5509.91	-- Được pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	CTH
	5509.92	-- Được pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với bông	CTH
	5509.99	-- Loại khác	CTH
55.10		Sợi (trừ chỉ khâu) từ xơ staple tái tạo, chưa đóng gói để bán lẻ.	
		- Có hàm lượng xơ staple tái tạo chiếm từ 85% trở lên tính theo khối lượng:	
	5510.11	-- Sợi đơn	CTH
	5510.12	-- Sợi xe (folded) hoặc sợi cáp	CTH
	5510.20	- Sợi khác, được pha chủ yếu hoặc duy nhất với lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	CTH
	5510.30	- Sợi khác, được pha chủ yếu hoặc duy nhất với bông	CTH
	5510.90	- Sợi khác	CTH
55.11		Sợi (trừ chỉ khâu) từ xơ staple nhân tạo, đã đóng gói để bán lẻ.	
	5511.10	- Từ xơ staple tổng hợp, có hàm lượng loại xơ này chiếm từ 85% trở lên tính theo khối lượng	CTH, ngoại trừ từ 5509 hoặc 5510
	5511.20	- Từ xơ staple tổng hợp, có hàm lượng loại xơ này chiếm dưới 85% tính theo khối lượng:	CTH, ngoại trừ từ 5509 hoặc 5510
	5511.30	- Từ xơ staple tái tạo	CTH, ngoại trừ từ 5509 hoặc 5510
55.12		Các loại vải dệt thoi từ xơ staple tổng hợp, có hàm lượng loại xơ này chiếm từ 85% trở lên tính theo khối lượng.	
		- Có hàm lượng xơ staple polyeste chiếm từ 85% trở lên tính theo khối lượng:	
	5512.11	-- Chưa tẩy trắng hoặc đã tẩy trắng	RVC(40) hoặc CTH
	5512.19	-- Loại khác	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
		- Có hàm lượng xơ staple bằng acrylic hoặc modacrylic chiếm từ 85% trở lên tính theo khối lượng:	
	5512.21	-- Chưa tẩy trắng hoặc đã tẩy trắng	RVC(40) hoặc CTH
	5512.29	-- Loại khác	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
		- Loại khác:	
	5512.91	-- Chưa tẩy trắng hoặc đã tẩy trắng	RVC(40) hoặc CTH
	5512.99	-- Loại khác	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
55.13		Vải dệt thoi bằng xơ staple tổng hợp, có hàm lượng loại xơ này chiếm dưới 85% tính theo khối lượng, pha chủ yếu hoặc	

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
		pha duy nhất với bông, định lượng không quá 170 g/m ² .	
		- Chưa tẩy trắng hoặc đã tẩy trắng:	
	5513.11	-- Từ xơ staple polyeste, dệt vân điểm	RVC(40) hoặc CTH
	5513.12	-- Vải vân chéo 3 sợi hoặc vân chéo 4 sợi, kể cả vải vân chéo chữ nhân, từ xơ staple polyeste	RVC(40) hoặc CTH
	5513.13	-- Vải dệt thoi khác từ xơ staple polyeste	RVC(40) hoặc CTH
	5513.19	-- Vải dệt thoi khác	RVC(40) hoặc CTH
		- Đã nhuộm:	
	5513.21	-- Từ xơ staple polyeste, dệt vân điểm	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5513.23	-- Vải dệt thoi khác từ xơ staple polyeste	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5513.29	-- Vải dệt thoi khác	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
		- Từ các sợi có các màu khác nhau:	
	5513.31	-- Từ xơ staple polyeste, dệt vân điểm	RVC(40) hoặc CTH
	5513.39	-- Vải dệt thoi khác	RVC(40) hoặc CTH
		- Đã in:	
	5513.41	-- Từ xơ staple polyeste, dệt vân điểm	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5513.49	-- Vải dệt thoi khác	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
55.14		Vải dệt thoi bằng xơ staple tổng hợp, có hàm lượng loại xơ này chiếm dưới 85% tính theo khối lượng, pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với bông, định lượng trên 170 g/m².	

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
		- Chưa tẩy trắng hoặc đã tẩy trắng:	
	5514.11	-- Từ xơ staple polyeste, dệt vân điểm	RVC(40) hoặc CTH
	5514.12	-- Vải vân chéo 3 sợi hoặc vân chéo 4 sợi, kể cả vải vân chéo chữ nhân, từ xơ staple polyeste	RVC(40) hoặc CTH
	5514.19	-- Vải dệt thoi khác	RVC(40) hoặc CTH
		- Đã nhuộm:	
	5514.21	-- Từ xơ staple polyeste, dệt vân điểm	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5514.22	-- Vải vân chéo 3 sợi hoặc vân chéo 4 sợi, kể cả vải vân chéo chữ nhân, từ xơ staple polyeste	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5514.23	-- Vải dệt thoi khác từ xơ staple polyeste	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5514.29	-- Vải dệt thoi khác	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5514.30	- Từ các sợi có các màu khác nhau - Đã in:	RVC(40) hoặc CTH
	5514.41	-- Từ xơ staple polyeste, dệt vân điểm	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5514.42	-- Vải vân chéo 3 sợi hoặc vân chéo 4 sợi, kể cả vải vân chéo chữ nhân, từ xơ staple polyeste	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5514.43	-- Vải dệt thoi khác từ xơ staple polyeste	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5514.49	-- Vải dệt thoi khác	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
55.15		Các loại vải dệt thoi khác từ xơ staple tổng hợp.	
		- Từ xơ staple polyeste:	
	5515.11	-- Pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với xơ staple viscose rayon	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5515.12	-- Pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với sợi filament nhân tạo	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5515.13	-- Pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	CTH
	5515.19	-- Loại khác	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
		- Từ xơ staple bằng acrylic hoặc modacrylic:	
	5515.21	-- Pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với sợi filament nhân tạo	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5515.22	-- Pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	CTH
	5515.29	-- Loại khác	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
		- Vải dệt thoi khác:	
	5515.91	-- Pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với sợi filament nhân tạo	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5515.99	-- Loại khác	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
55.16		Vải dệt thoi từ xơ staple tái tạo.	
		- Có hàm lượng xơ staple tái tạo chiếm từ 85% trở lên tính theo khối lượng:	
	5516.11	-- Chưa tẩy trắng hoặc đã tẩy trắng	RVC(40) hoặc CTH
	5516.12	-- Đã nhuộm	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5516.13	-- Từ các sợi có các màu khác nhau	RVC(40) hoặc CTH
	5516.14	-- Đã in	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
		- Có hàm lượng xơ staple tái tạo chiếm dưới 85% tính theo khối lượng, được pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với sợi filament nhân tạo:	
	5516.21	-- Chưa tẩy trắng hoặc đã tẩy trắng	RVC(40) hoặc CTH
	5516.22	-- Đã nhuộm	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5516.23	-- Từ các sợi có các màu khác nhau	RVC(40) hoặc CTH
	5516.24	-- Đã in	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
		- Có hàm lượng xơ staple tái tạo chiếm dưới 85% tính theo khối lượng, được pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với lông cừu hoặc lông động vật loại mịn:	
	5516.31	-- Chưa tẩy trắng hoặc đã tẩy trắng	RVC(40) hoặc CTH
	5516.32	-- Đã nhuộm	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			dụng được ngay
	5516.33	-- Từ các sợi có các màu khác nhau	RVC(40) hoặc CTH
	5516.34	-- Đã in	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
		- Có hàm lượng xơ staple tái tạo chiếm dưới 85% tính theo khối lượng, được pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với bông:	
	5516.41	-- Chưa tẩy trắng hoặc đã tẩy trắng	RVC(40) hoặc CTH
	5516.42	-- Đã nhuộm	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5516.43	-- Từ các sợi có các màu khác nhau	RVC(40) hoặc CTH
	5516.44	-- Đã in	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
		- Loại khác:	
	5516.91	-- Chưa tẩy trắng hoặc đã tẩy trắng	RVC(40) hoặc CTH
	5516.92	-- Đã nhuộm	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5516.93	-- Từ các sợi có các màu khác nhau	RVC(40) hoặc CTH
	5516.94	-- Đã in	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
CHƯƠNG 56		MÈN XƠ, PHÓT VÀ CÁC SẢN PHẨM KHÔNG DỆT; CÁC LOẠI SỢI ĐẶC BIỆT; SỢI XE, CHẢO BỆN (CORDAGE), THÙNG VÀ CÁP VÀ CÁC SẢN PHẨM CỦA CHÚNG	
56.01		Mền xơ bằng vật liệu dệt và các sản phẩm của nó; các loại xơ dệt, chiều dài không quá 5 mm (xơ vụn), bụi xơ và kết xơ (neps).	
		- Mền xơ từ vật liệu dệt và các sản phẩm của nó:	

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
	5601.21	-- Từ bông	CC
	5601.22	-- Từ xơ nhân tạo	CC
	5601.29	-- Loại khác	CC
	5601.30	- Xơ vụn và bụi xơ và kết xơ	CC
56.02		Phốt, ni đã hoặc chưa ngâm tẩm, tráng, phủ hoặc ép lớp.	
	5602.10	- Phốt, ni xuyên kim và vải khâu đính	CC
		- Phốt, ni khác, chưa ngâm tẩm, tráng, phủ hoặc ép lớp:	
	5602.21	-- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	CC
	5602.29	-- Từ các vật liệu dệt khác	CC
	5602.90	- Loại khác	CC
56.03		Các sản phẩm không dệt, đã hoặc chưa ngâm tẩm, tráng phủ hoặc ép lớp.	
		- Bằng filament nhân tạo:	
	5603.11	-- Định lượng không quá 25 g/m ²	CC
	5603.12	-- Định lượng trên 25 g/m ² nhưng không quá 70 g/m ²	CC
	5603.13	-- Định lượng trên 70 g/m ² nhưng không quá 150 g/m ²	CC
	5603.14	-- Định lượng trên 150 g/m ²	CC
		- Loại khác:	
	5603.91	-- Định lượng không quá 25 g/m ²	CC
	5603.92	-- Định lượng trên 25 g/m ² nhưng không quá 70 g/m ²	CC
	5603.93	-- Định lượng trên 70 g/m ² nhưng không quá 150 g/m ²	CC
	5603.94	-- Định lượng trên 150 g/m ²	CC
56.04		Chỉ cao su và sợi (cord) cao su, được bọc bằng vật liệu dệt; sợi dệt, và dải và dạng tương tự thuộc nhóm 54.04 hoặc 54.05, đã ngâm tẩm, tráng, phủ hoặc bao ngoài bằng cao su hoặc plastic.	
	5604.10	- Chỉ cao su và sợi (cord) cao su, được bọc bằng vật liệu dệt	RVC(40) hoặc CC
	5604.90	- Loại khác:	RVC(40) hoặc CC
56.05	5605.00	Sợi trộn kim loại, có hoặc không quấn bọc, là loại sợi dệt, hoặc dải hoặc dạng tương tự thuộc nhóm 54.04 hoặc 54.05, được kết hợp với kim loại ở dạng dây,	CC

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
		dải hoặc bột hoặc phủ bằng kim loại.	
56.06	5606.00	Sợi cuộn bọc, và dải và dạng tương tự thuộc nhóm 54.04 hoặc 54.05, đã quấn bọc (trừ các loại thuộc nhóm 56.05 và sợi quấn bọc lông đuôi hoặc bờm ngựa); sợi sonin (chenille) (kể cả sợi sonin xù); sợi sùi vòng.	CC
56.07		Dây xe, chảo bện (cordage), thùng và cáp, đã hoặc chưa tết hoặc bện và đã hoặc chưa ngâm tẩm, tráng, phủ hoặc bao ngoài bằng cao su hoặc plastic.	
		- Từ xidan (sisal) hoặc từ xơ dẹt khác của các cây thuộc chi cây thù (Agave):	
	5607.21	-- Dây xe để buộc hoặc đóng kiện	CC
	5607.29	-- Loại khác	CC
		- Từ polyetylen hoặc polypropylen:	
	5607.41	-- Dây xe để buộc hoặc đóng kiện	CC
	5607.49	-- Loại khác	RVC(40) hoặc CC
	5607.50	- Từ xơ tổng hợp khác	RVC(40) hoặc CC
	5607.90	- Loại khác	RVC(40) hoặc CC
56.08		Tấm lưới được thắt nút bằng sợi xe, chảo bện (cordage) hoặc thùng; lưới đánh cá và các loại lưới khác đã hoàn thiện, từ vật liệu dệt.	
		- Từ vật liệu dệt nhân tạo:	
	5608.11	-- Lưới đánh cá thành phẩm	RVC(40) hoặc CTH
	5608.19	-- Loại khác	RVC(40) hoặc CTH
	5608.90	- Loại khác	RVC(40) hoặc CTH
56.09	5609.00	Các sản phẩm làm từ sợi, dải hoặc dạng tương tự thuộc nhóm 54.04 hoặc 54.05, dây xe, chảo bện (cordage), thùng hoặc cáp, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác.	RVC(40) hoặc CTH
CHƯƠNG 57		THẨM VÀ CÁC LOẠI HÀNG DỆT TRẢI SÀN KHÁC	
57.01		Thảm và các loại hàng dệt trải sàn khác, thắt nút, đã hoặc chưa hoàn thiện.	
	5701.10	- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	CC
	5701.90	- Từ các vật liệu dệt khác	CC
57.02		Thảm và các loại hàng dệt trải sàn khác, dệt thoi, không tạo búi hoặc phủ xơ vụn, đã hoặc chưa hoàn thiện, kể cả thảm "Kelem", "Schumacks", "Karamanie"	

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
		và các loại thảm dệt thoi thủ công tương tự.	
	5702.10	- Thảm “Kelem”, “Schumacks”, “Karamanie” và các loại thảm dệt thoi thủ công tương tự	CC
	5702.20	- Hàng trải sàn từ xơ dừa (coir)	CC
		- Loại khác, có cấu tạo nổi vòng, chưa hoàn thiện:	
	5702.31	-- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	CC
	5702.32	-- Từ các vật liệu dệt nhân tạo	CC
	5702.39	-- Từ các vật liệu dệt khác	CC
		- Loại khác, có cấu tạo nổi vòng, đã hoàn thiện:	
	5702.41	-- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	CC
	5702.42	-- Từ vật liệu dệt nhân tạo	CC
	5702.49	-- Từ các vật liệu dệt khác	CC
	5702.50	- Loại khác, không có cấu tạo nổi vòng, chưa hoàn thiện	CC
		- Loại khác, không có cấu tạo nổi vòng, đã hoàn thiện:	
	5702.91	-- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	CC
	5702.92	-- Từ vật liệu dệt nhân tạo	CC
	5702.99	-- Từ các vật liệu dệt khác	CC
57.03		Thảm và các loại hàng dệt trải sàn khác (kể cả thảm cỏ), tạo búi, đã hoặc chưa hoàn thiện.	
	5703.10	- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn - Từ ni lông hoặc từ các polyamit khác:	CC
	5703.21	-- Thảm cỏ (turf)	CC
	5703.29	-- Loại khác	CC
		- Từ các vật liệu dệt nhân tạo khác:	
	5703.31	-- Thảm cỏ (turf)	CC
	5703.39	-- Loại khác	CC
	5703.90	- Từ các vật liệu dệt khác	CC
57.04		Thảm và các loại hàng dệt trải sàn khác, từ phốt, không tạo búi hoặc phủ xơ vụn, đã hoặc chưa hoàn thiện.	
	5704.10	- Các tấm để ghép, có diện tích bề mặt tối	CC, ngoại trừ từ 5602

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
		đa là 0,3 m ²	
	5704.20	- Các tấm để ghép, có diện tích bề mặt tối đa trên 0,3 m ² nhưng không quá 1 m ²	CC, ngoại trừ từ 5602
	5704.90	- Loại khác	CC, ngoại trừ từ 5602
57.05	5705.00	Các loại thảm khác và các loại hàng dệt trải sàn khác, đã hoặc chưa hoàn thiện.	CC
CHƯƠNG 58		CÁC LOẠI VẢI DỆT THOI ĐẶC BIỆT; CÁC LOẠI VẢI DỆT TẠO BÚI; HÀNG REN; THẢM TRANG TRÍ; HÀNG TRANG TRÍ; HÀNG THÊU <i>Chú thích Chương:</i> Trong phạm vi Chương này, nếu yêu cầu xuất xứ của sản phẩm dựa trên công đoạn nhuộm, in và ít nhất hai công đoạn hoàn thiện sản phẩm tiếp theo, công đoạn giặt hoặc công đoạn sấy không được coi là công đoạn hoàn thiện. Danh mục các công đoạn hoàn thiện áp dụng cho sản phẩm dệt may được quy định kèm theo tại Phụ lục này.	
58.01		Các loại vải dệt nổi vòng và các loại vải sonin (chenille), trừ các loại vải thuộc nhóm 58.02 hoặc 58.06.	
	5801.10	- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn:	CC
		- Từ bông:	
	5801.21	-- Vải có sợi ngang nổi vòng không cắt	CC hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5801.22	-- Nhung kẻ đã cắt	CC hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5801.23	-- Vải có sợi ngang nổi vòng khác	CC hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5801.26	-- Các loại vải somin (chenille)	CC hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5801.27	-- Vải có sợi dọc nổi vòng	CC hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
		- Từ xơ nhân tạo:	
	5801.31	-- Vải có sợi ngang nổi vòng không cắt	CC hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5801.32	-- Nhung kẻ đã cắt	CC hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5801.33	-- Vải có sợi ngang nổi vòng khác	CC hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5801.36	-- Các loại vải sonin (chenille)	CC hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5801.37	-- Vải có sợi dọc nổi vòng	CC hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5801.90	- Từ các vật liệu dệt khác	CC hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
58.02		Vải khăn lông (terry) và các loại vải dệt thoi tạo vòng lông tương tự, trừ các loại vải khổ hẹp thuộc nhóm 58.06; các loại vải dệt tạo búi, trừ các sản phẩm thuộc nhóm 57.03.	

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
	5802.10	- Vải khăn lông (terry) và các loại vải dệt thoi tạo vòng lông tương tự, từ bông	CC hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5802.20	- Vải khăn lông (terry) và các loại vải dệt thoi tạo vòng lông tương tự, từ các vật liệu dệt khác	CC hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5802.30	- Các loại vải dệt tạo bụi	CC
58.03	5803.00	Vải dệt quần, trừ các loại vải khổ hẹp thuộc nhóm 58.06.	CC
58.04		Các loại vải tuyn và các loại vải dệt lưới khác, không bao gồm vải dệt thoi, dệt kim hoặc móc; hàng ren dạng mảnh, dạng dải hoặc dạng mẫu hoa văn, trừ các loại vải thuộc các nhóm từ 60.02 đến 60.06.	
	5804.10	- Vải tuyn và vải dệt lưới khác:	CC
		- Ren dệt bằng máy:	
	5804.21	-- Từ xơ nhân tạo	CC
	5804.29	-- Từ các vật liệu dệt khác	CC
	5804.30	- Ren làm bằng tay	CC
58.05	5805.00	Thảm trang trí dệt thoi thủ công theo kiểu Gobelines, Flanders, Aubusson,	CC

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
		Beauvais và các kiểu tương tự, và các loại thảm trang trí thêu tay (ví dụ, thêu mũi nhỏ, thêu chữ thập), đã hoặc chưa hoàn thiện.	
58.06		Vải dệt thoi khổ hẹp, trừ các loại hàng thuộc nhóm 58.07; vải khổ hẹp gồm toàn sợi dọc không có sợi ngang liên kết với nhau bằng chất kết dính (bolducs).	
	5806.10	- Vải dệt thoi nổi vòng (kể cả vải khăn lông (terry) và các loại vải dệt nổi vòng tương tự) và vải dệt từ sợi sonin (chenille)	CC
	5806.20	- Vải dệt thoi khác, có hàm lượng sợi đàn hồi (elastomeric) hoặc sợi cao su chiếm từ 5% trở lên tính theo khối lượng	CC
		- Vải dệt thoi khác:	
	5806.31	- - Từ bông	CC
	5806.32	- - Từ xơ nhân tạo	CC
	5806.39	- - Từ các vật liệu dệt khác	CC
	5806.40	- Các loại vải dệt chỉ có sợi dọc không có sợi ngang liên kết với nhau bằng chất kết dính (bolducs)	CC
58.07		Các loại nhãn, phù hiệu và các mặt hàng tương tự từ vật liệu dệt, dạng chiếc, dạng dải hoặc đã cắt thành hình hoặc kích cỡ, không thêu.	
	5807.10	- Dệt thoi	CC
	5807.90	- Loại khác	CC
58.08		Các dải bện dạng chiếc; dải, mảnh trang trí dạng chiếc, không thêu, trừ loại dệt kim hoặc móc; tua, ngù và các mặt hàng tương tự.	
	5808.10	- Các dải bện dạng chiếc	CC
	5808.90	- Loại khác	CC
58.09	5809.00	Vải dệt thoi từ sợi kim loại và vải dệt thoi từ sợi trộn kim loại thuộc nhóm 56.05, sử dụng để trang trí, như các loại vải trang trí nội thất hoặc cho các mục đích tương tự, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác.	CC
58.10		Hàng thêu dạng chiếc, dạng dải hoặc dạng theo mẫu hoa văn.	
	5810.10	- Hàng thêu không lộ nền	CTH

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
		- Hàng thù khác:	
	5810.91	- - Từ bông	CTH
	5810.92	- - Từ xơ nhân tạo	CTH
	5810.99	- - Từ các vật liệu dệt khác	CTH
58.11	5811.00	Các sản phẩm dệt đã chần (quilted) dạng chiếc, bao gồm một hoặc nhiều lớp vật liệu dệt kết hợp với lớp đệm bằng cách khâu hoặc cách khác, trừ hàng thù thuộc nhóm 58.10.	CTH
CHƯƠNG 59		CÁC LOẠI VẢI DỆT ĐÃ ĐƯỢC NGÂM TẨM, TRÁNG, PHỦ HOẶC ÉP LỚP; CÁC MẶT HÀNG DỆT THÍCH HỢP DÙNG TRONG CÔNG NGHIỆP	
59.01		Vải dệt được tráng gồm hoặc hồ tinh bột, dùng để bọc ngoài bì sách hoặc loại tương tự; vải can; vải canvas đã xử lý để vẽ; vải hồ cứng và các loại vải dệt đã được làm cứng tương tự để làm cốt mũ.	
	5901.10	- Vải dệt được tráng gồm hoặc hồ tinh bột, dùng để bọc ngoài bì sách hoặc các loại tương tự	CC
	5901.90	- Loại khác	CC
59.02		Vải mảnh dùng làm lớp từ sợi có độ bền cao từ ni lông hoặc các polyamid khác, các polyeste hoặc viscose rayon.	
	5902.10	- Từ ni lông hoặc từ các polyamid khác	CC
	5902.20	- Từ các polyeste	CC
	5902.90	- Loại khác	CC
59.03		Vải dệt đã được ngâm tẩm, tráng, phủ hoặc ép với plastic, trừ các loại thuộc nhóm 59.02.	
	5903.10	- Với poly(vinyl clorua)	CC
	5903.20	- Với polyurethan	CC
	5903.90	- Loại khác	RVC(40) hoặc CC
59.04		Vải sơn, đã hoặc chưa cắt thành hình; các loại trải sàn có một lớp tráng hoặc phủ gắn trên lớp bồi là vật liệu dệt, đã hoặc chưa cắt thành hình.	
	5904.10	- Vải sơn	CC
	5904.90	- Loại khác	CC
59.05	5905.00	Các loại vải dệt phủ tường.	CC
59.06		Vải dệt cao su hóa, trừ các loại thuộc nhóm 59.02.	

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
	5906.10	- Băng dính có chiều rộng không quá 20 cm	RVC(40) hoặc CC
		- Loại khác:	
	5906.91	-- Vải dệt kim hoặc vải móc	CC
	5906.99	-- Loại khác	CC
59.07	5907.00	Các loại vải dệt được ngâm tẩm, tráng hoặc phủ bằng cách khác; vải canvas được vẽ làm phong cảnh cho rạp hát, phong trường quay hoặc loại tương tự.	CC
59.08	5908.00	Các loại bấc dệt thoi, kết, tết hoặc dệt kim, dùng cho đèn, bếp dầu, bật lửa, nến hoặc loại tương tự; mạng đèn măng xông và các loại vải dệt kim hình ống dùng làm mạng đèn măng xông, đã hoặc chưa ngâm tẩm.	CC
59.09	5909.00	Các loại ống dẫn dệt mềm và các loại ống dệt tương tự có lót hoặc không lót, bọc vỏ cứng hoặc có các phụ kiện từ vật liệu khác.	CC
59.10	5910.00	Băng tải hoặc băng truyền hoặc băng đai, băng vật liệu dệt, đã hoặc chưa ngâm tẩm, tráng, phủ hoặc ép bằng plastic, hoặc gia công bằng kim loại hoặc vật liệu khác.	RVC(40) hoặc CC
59.11		Các sản phẩm và mặt hàng dệt, phục vụ cho mục đích kỹ thuật, đã nêu tại Chú giải 8 của Chương này.	
	5911.10	- Vải dệt, phớt và vải dệt thoi lót phớt đã được tráng, phủ, hoặc ép bằng cao su, da thuộc hoặc vật liệu khác, loại sử dụng cho băng kim máy chài, và vải tương tự phục vụ cho mục đích kỹ thuật khác, kể cả vải khổ hẹp làm từ nhung được ngâm tẩm cao su, để bọc các lõi, trục dệt	CC
	5911.20	- Vải dùng để rây sàng (bolting cloth), đã hoặc chưa hoàn thiện	CC
		- Vải dệt và phớt, được dệt vòng liền hoặc kèm theo cơ cấu nối ráp, dùng cho máy sản xuất giấy hoặc các máy tương tự (ví dụ, để chế biến bột giấy hoặc xi măng amiăng):	
	5911.31	-- Định lượng dưới 650 g/m ²	CC
	5911.32	-- Định lượng từ 650 g/m ² trở lên	CC

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
	591 1.40	- Vải lọc dùng trong ép dầu hoặc loại tương tự, kể cả loại làm từ tóc người	CC
	591 1.90	- Loại khác	RVC(40) hoặc CC
CHƯƠNG 60		CÁC LOẠI HÀNG DỆT KIM HOẶC MÓC	
60.01		Vải nổi vòng (pile), kể cả các loại vải "vòng lông dài" (long pile) và khăn lông (terry), dệt kim hoặc móc.	
	6001.10	- Vải "vòng lông dài" (long pile) - Vải tạo vòng lông (looped pile):	CC
	6001.21	-- Từ bông	CC
	6001.22	-- Từ xơ nhân tạo	CC
	6001.29	-- Từ các vật liệu dệt khác - Loại khác:	CC
	6001.91	-- Từ bông	CC
	6001.92	-- Từ xơ nhân tạo	CC
	6001.99	-- Từ các vật liệu dệt khác	CC
60.02		Vải dệt kim hoặc móc có khổ rộng không quá 30 cm, có hàm lượng sợi đàn hồi hoặc sợi cao su chiếm từ 5% trở lên tính theo khối lượng, trừ loại thuộc nhóm 60.01.	
	6002.40	- Có hàm lượng sợi đàn hồi chiếm từ 5% trở lên tính theo khối lượng nhưng không có sợi cao su	CC
	6002.90	- Loại khác	CC
60.03		Vải dệt kim hoặc móc có khổ rộng không quá 30 cm, trừ loại thuộc nhóm 60.01 hoặc 60.02.	
	6003.10	- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	CC
	6003.20	- Từ bông	CC
	6003.30	- Từ các xơ tổng hợp	CC
	6003.40	- Từ các xơ tái tạo	CC
	6003.90	- Loại khác	CC
60.04		Vải dệt kim hoặc móc có khổ rộng hơn 30 cm, có hàm lượng sợi đàn hồi hoặc sợi cao su chiếm từ 5% trở lên tính theo khối lượng, trừ các loại thuộc nhóm 60.01.	
	6004.10	- Có hàm lượng sợi đàn hồi chiếm từ 5% trở lên tính theo khối lượng nhưng không bao gồm sợi cao su:	CC

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
	6004.90	- Loại khác	CC
60.05		Vải dệt kim đan dọc (kể cả các loại làm trên máy dệt kim dệt dài trang trí), trừ loại thuộc các nhóm 60.01 đến 60.04.	
		- Từ bông:	
	6005.21	-- Chưa tẩy trắng hoặc đã tẩy trắng	CC
	6005.22	-- Đã nhuộm	CC
	6005.23	-- Từ các sợi có các màu khác nhau	CC
	6005.24	-- Đã in	CC
		- Từ xơ tổng hợp:	
	6005.35	-- Các loại vải được chi tiết trong Chú giải phân nhóm I Chương này	CC
	6005.36	-- Loại khác, chưa tẩy trắng hoặc đã tẩy trắng	CC
	6005.37	-- Loại khác, đã nhuộm	CC
	6005.38	-- Loại khác, từ các sợi có màu khác nhau	CC
	6005.39	-- Loại khác, đã in	CC
		- Từ xơ tái tạo:	
	6005.41	-- Chưa tẩy trắng hoặc đã tẩy trắng	CC
	6005.42	-- Đã nhuộm	CC
	6005.43	-- Từ các sợi có các màu khác nhau	CC
	6005.44	-- Đã in	CC
	6005.90	- Loại khác	CC
60.06		Vải dệt kim hoặc móc khác.	
	6006.10	- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	CC
		- Từ bông:	
	6006.21	-- Chưa tẩy trắng hoặc đã tẩy trắng	CC
	6006.22	-- Đã nhuộm	CC
	6006.23	-- Từ các sợi có các màu khác nhau	CC
	6006.24	-- Đã in	CC
		- Từ xơ sợi tổng hợp:	
	6006.31	-- Chưa tẩy trắng hoặc đã tẩy trắng	CC
	6006.32	-- Đã nhuộm	CC
	6006.33	-- Từ các sợi có các màu khác nhau	CC
	6006.34	-- Đã in	CC
		- Từ xơ tái tạo:	
	6006.41	-- Chưa tẩy trắng hoặc đã tẩy trắng	CC
	6006.42	-- Đã nhuộm	CC
	6006.43	-- Từ các sợi có các màu khác nhau	CC
	6006.44	-- Đã in	CC
	6006.90	- Loại khác	CC

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
CHƯƠNG 61		QUẦN ÁO VÀ HÀNG MAY MẶC PHỤ TRỢ, DỆT KIM HOẶC MÓC	
61.01		Áo khoác dài, áo khoác mặc khi đi xe (car-coat), áo khoác không tay, áo choàng không tay, áo khoác có mũ (kể cả áo jacket trượt tuyết), áo gió, áo jacket chống gió và các loại tương tự, dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai, dệt kim hoặc móc, trừ các loại thuộc nhóm 61.03.	
	6101.20	- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6101.30	- Từ sợi nhân tạo	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6101.90	- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
61.02		Áo khoác dài, áo khoác mặc khi đi xe (car-coat), áo khoác không tay, áo choàng không tay, áo khoác có mũ trùm (kể cả áo jacket trượt tuyết), áo gió, áo jacket chống gió và các loại tương tự, dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, dệt kim hoặc móc, trừ các loại thuộc nhóm 61.04.	
	6102.10	- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6102.20	- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			nước thành viên hoặc CC
	6102.30	- Từ sợi nhân tạo	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6102.90	- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
61.03		Bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chên và quần soóc (trừ quần áo bơi), dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai, dệt kim hoặc móc.	
	6103.10	- Bộ com-lê	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Bộ quần áo đồng bộ:	
	6103.22	-- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6103.23	-- Từ sợi tổng hợp	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6103.29	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Áo jacket và áo blazer:	
	6103.31	-- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			nước thành viên hoặc CC
	6103.32	-- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6103.33	-- Từ sợi tổng hợp	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6103.39	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc:	
	6103.41	-- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6103.42	-- Từ bông	RVC(40) hoặc CC
	6103.43	-- Từ sợi tổng hợp	RVC(40) hoặc CC
	6103.49	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
61.04		Bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, váy liền thân, chân váy (skirt), chân váy dạng quần, quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi), dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, dệt kim hoặc móc.	
		- Bộ com-lê:	
	6104.13	-- Từ sợi tổng hợp	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			nước thành viên hoặc CC
	6104.19	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Bộ quần áo đồng bộ:	
	6104.22	-- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6104.23	-- Từ sợi tổng hợp	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6104.29	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Áo jacket và áo blazer:	
	6104.31	-- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6104.32	-- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6104.33	-- Từ sợi tổng hợp	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6104.39	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			nước thành viên hoặc CC
		- Váy liền thân:	
	6104.41	-- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6104.42	-- Từ bông	RVC(40) hoặc CC
	6104.43	-- Từ sợi tổng hợp	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6104.44	-- Từ sợi tái tạo	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6104.49	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Các loại chân váy (skirt) và chân váy dạng quần:	
	6104.51	-- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6104.52	-- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6104.53	-- Từ sợi tổng hợp	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6104.59	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc:	
	6104.61	-- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6104.62	-- Từ bông	RVC(40) hoặc CC
	6104.63	-- Từ sợi tổng hợp	RVC(40) hoặc CC
	6104.69	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
61.05		Áo sơ mi nam giới hoặc trẻ em trai, dệt kim hoặc móc.	
	6105.10	- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6105.20	- Từ sợi nhân tạo	RVC(40) hoặc CC
	6105.90	- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
61.06		Áo blouse, sơ mi và sơ mi cách điệu (shirt-blouse), dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, dệt kim hoặc móc.	
	6106.10	- Từ bông	RVC(40) hoặc CC
	6106.20	- Từ sợi nhân tạo	RVC(40) hoặc CC
	6106.90	- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
61.07		Quần lót (underpants), quần sịp, áo ngủ, bộ pyjama, áo choàng tắm, áo choàng	

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
		đài mặc trong nhà và các loại tương tự, dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai, dệt kim hoặc móc.	
		- Quần lót (underpants) và quần sịp:	
	6107.11	-- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6107.12	-- Từ sợi nhân tạo	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6107.19	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Các loại áo ngủ và bộ pyjama:	
	6107.21	-- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6107.22	-- Từ sợi nhân tạo	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6107.29	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Loại khác:	
	6107.91	-- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6107.99	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
61.08		Váy lót, váy lót bông (petticoats), quần xi líp, quần đùi bó, váy ngủ, bộ pyjama, áo ngủ của phụ nữ bằng vải mỏng và trong suốt (negligees), áo choàng tắm, áo choàng dài mặc trong nhà và các loại tương tự, dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, dệt kim hoặc móc.	
		- Váy lót và váy lót bông (petticoats):	
	6108.11	-- Từ sợi nhân tạo	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6108.19	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Quần xi líp và quần đùi bó:	
	6108.21	-- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6108.22	-- Từ sợi nhân tạo	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6108.29	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Váy ngủ và bộ pyjama:	
	6108.31	-- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6108.32	-- Từ sợi nhân tạo	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6108.39	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Loại khác:	
	6108.91	-- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6108.92	-- Từ sợi nhân tạo	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6108.99	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
61.09		Áo phông, áo ba lỗ (singlet) và các loại áo lót khác, dệt kim hoặc móc.	
	6109.10	- Từ bông	RVC(40) hoặc CC
	6109.90	- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) hoặc CC
61.10		Áo bó, áo chui đầu, áo cardigan, gi-lê và các mặt hàng tương tự, dệt kim hoặc móc.	
		- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn:	
	6110.11	-- Từ lông cừu	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6110.12	-- Cửa dê Ca-sơ-mia (len casomia)	RVC(40) với điều kiện sản

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6110.19	-- Loại khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6110.20	- Từ bông	RVC(40) hoặc CC
	6110.30	- Từ sợi nhân tạo	RVC(40) hoặc CC
	6110.90	- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) hoặc CC
61.11		Quần áo và hàng may mặc phụ trợ dùng cho trẻ em, dệt kim hoặc móc.	
	6111.20	- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6111.30	- Từ sợi tổng hợp	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6111.90	- Từ các vật liệu dệt khác:	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
61.12		Bộ quần áo thể thao, bộ quần áo trượt tuyết và bộ quần áo bơi, dệt kim hoặc móc.	
		- Bộ quần áo thể thao:	
	6112.11	-- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6112.12	-- Từ sợi tổng hợp	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			nước thành viên hoặc CC
	6112.19	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6112.20	- Bộ quần áo trượt tuyết	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Quần áo bơi cho nam giới hoặc trẻ em trai:	
	6112.31	-- Từ sợi tổng hợp	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6112.39	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Quần áo bơi cho phụ nữ hoặc trẻ em gái:	
	6112.41	-- Từ sợi tổng hợp	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6112.49	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
61.13	6113.00	Quần áo được may từ các loại vải dệt kim hoặc móc thuộc nhóm 59.03, 59.06 hoặc 59.07.	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
61.14		Các loại quần áo khác, dệt kim hoặc móc.	
	6114.20	- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6114.30	- Từ sợi nhân tạo	RVC(40) hoặc CC
	6114.90	- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
61.15		Quần tất, quần nịt, bít tất dài (trên đầu gối), bít tất ngắn và các loại hàng bít tất dệt kim khác, kể cả nịt chân (ví dụ, dùng cho người giãn tĩnh mạch) và giày, dép không đế, dệt kim hoặc móc.	
	6115.10	- Nịt chân (ví dụ, dùng cho người giãn tĩnh mạch)	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Quần tất và quần nịt khác:	
	6115.21	- - Từ sợi tổng hợp, có độ mảnh sợi đơn dưới 67 decitex	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6115.22	- - Từ sợi tổng hợp, có độ mảnh sợi đơn từ 67 decitex trở lên	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6115.29	- - Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6115.30	- Tất dài đến đầu gối hoặc trên đầu gối dùng cho phụ nữ, có độ mảnh mỗi sợi đơn dưới 67 decitex	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Loại khác:	

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
	6115.94	-- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6115.95	-- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6115.96	-- Từ sợi tổng hợp	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6115.99	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
61.16		Găng tay, găng tay hở ngón và găng bao tay, dệt kim hoặc móc.	
	6116.10	- Được ngâm tẩm, tráng hoặc phủ hoặc ép với plastic hoặc cao su	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Loại khác:	
	6116.91	-- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6116.92	-- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6116.93	-- Từ sợi tổng hợp	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			nước thành viên hoặc CC
	6116.99	- - Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
61.17		Hàng phụ kiện may mặc đã hoàn chỉnh khác, dệt kim hoặc móc; các chi tiết dệt kim hoặc móc của quần áo hoặc của hàng may mặc phụ trợ.	
	6117.10	- Khăn choàng, khăn quàng cổ, khăn choàng rộng đội đầu, khăn choàng vai, mạng che mặt và các loại tương tự	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6117.80	- Các phụ kiện may mặc khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6117.90	- Các chi tiết	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
CHƯƠNG 62		QUẦN ÁO VÀ CÁC HÀNG MAY MẶC PHỤ TRỢ, KHÔNG DỆT KIM HOẶC MÓC	
62.01		Áo khoác ngoài, áo choàng mặc khi đi xe (car-coats), áo khoác không tay, áo choàng không tay, áo khoác có mũ trùm (kể cả áo jacket trượt tuyết), áo gió, áo jacket chống gió và các loại tương tự, dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai, trừ các loại thuộc nhóm 62.03.	
	6201.20	- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6201.30	- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6201.40	- Từ sợi nhân tạo	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6201.90	- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
62.02		Áo khoác ngoài, áo choàng mặc khi đi xe (car-coats), áo khoác không tay, áo choàng không tay, áo khoác có mũ (kể cả áo jacket trượt tuyết), áo gió, áo jacket chống gió và các loại tương tự, dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, trừ loại thuộc nhóm 62.04.	
	6202.20	- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6202.30	- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6202.40	- Từ sợi nhân tạo	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6202.90	- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
62.03		Bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, quần dài, quần yếm có	

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
		dây đeo, quần ống chên và quần soóc (trừ quần áo bơi), dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai.	
		- Bộ com-lê:	
	6203.11	-- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6203.12	-- Từ sợi tổng hợp	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6203.19	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Bộ quần áo đồng bộ:	
	6203.22	-- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6203.23	-- Từ sợi tổng hợp	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6203.29	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Áo jacket và áo blazer:	
	6203.31	-- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6203.32	-- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6203.33	-- Từ sợi tổng hợp	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6203.39	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc:	
	6203.41	-- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6203.42	-- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6203.43	-- Từ sợi tổng hợp	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6203.49	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
62.04		Bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, váy liền thân (1), chân váy (skirt), chân váy dạng quần, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi) dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái.	

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
		- Bộ com-lê:	
	6204.11	-- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6204.12	-- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6204.13	-- Từ sợi tổng hợp	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6204.19	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Bộ quần áo đồng bộ:	
	6204.21	-- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6204.22	-- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6204.23	-- Từ sợi tổng hợp	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6204.29	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
		- Áo jacket và áo blazer:	
	6204.31	-- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6204.32	-- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6204.33	-- Từ sợi tổng hợp	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6204.39	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Váy liền thân:	
	6204.41	-- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6204.42	-- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6204.43	-- Từ sợi tổng hợp	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6204.44	-- Từ sợi tái tạo	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
	6204.49	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Các loại chân váy (skirt) và chân váy dạng quần:	
	6204.51	-- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6204.52	-- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6204.53	-- Từ sợi tổng hợp	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6204.59	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc:	
	6204.61	-- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6204.62	-- Từ bông	RVC(40) hoặc CC
	6204.63	-- Từ sợi tổng hợp	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6204.69	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
62.05		Áo sơ mi nam giới hoặc trẻ em trai.	
	6205.20	- Từ bông	RVC(40) hoặc CC
	6205.30	- Từ sợi nhân tạo	RVC(40) hoặc CC
	6205.90	- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
62.06		Áo blouse, sơ mi và sơ mi cách điệu (shirt-blouses) dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái.	
	6206.10	- Từ tơ tằm hoặc phế liệu tơ tằm	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6206.20	- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6206.30	- Từ bông	RVC(40) hoặc CC
	6206.40	- Từ sợi nhân tạo	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6206.90	- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
62.07		Áo ba lỗ (singlet) và các loại áo lót khác, quần lót (underpants), quần sịp, áo ngủ, bộ pyjama, áo choàng tắm, áo choàng dài mặc trong nhà và các loại tương tự dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai.	
		- Quần lót (underpants) và quần sịp:	
	6207.11	-- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6207.19	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Các loại áo ngủ và bộ pyjama:	
	6207.21	-- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6207.22	-- Từ sợi nhân tạo	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6207.29	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Loại khác:	
	6207.91	-- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6207.99	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
62.08		Áo ba lỗ (singlet) và các loại áo lót khác, váy lót, váy lót bông (petticoats), quần xi-líp, quần đùi bó, váy ngủ, bộ pyjama, áo ngủ của phụ nữ bằng vải mỏng và trong suốt (negligees), áo choàng tắm, áo choàng dài mặc trong nhà và các loại	

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
		trưng tự dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái.	
		- Váy lót và váy lót bông (petticoats):	
	6208.11	-- Từ sợi nhân tạo	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6208.19	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Váy ngủ và bộ pyjama:	
	6208.21	-- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6208.22	-- Từ sợi nhân tạo	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6208.29	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Loại khác:	
	6208.91	-- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6208.92	-- Từ sợi nhân tạo	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6208.99	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
62.09		Quần áo may sẵn và phụ kiện may mặc cho trẻ em.	
	6209.20	- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6209.30	- Từ sợi tổng hợp	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6209.90	- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
62.10		Quần áo may từ các loại vải thuộc nhóm 56.02, 56.03, 59.03, 59.06 hoặc 59.07.	
	6210.10	- Từ các loại vải thuộc nhóm 56.02 hoặc 56.03	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6210.20	- Quần áo khác, loại được mô tả trong nhóm 62.01	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6210.30	- Quần áo khác, loại được mô tả trong nhóm 62.02	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6210.40	- Quần áo khác dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			nước thành viên hoặc CC
	6210.50	- Quần áo khác dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái	RVC(40) hoặc CC
62.11		Bộ quần áo thể thao, bộ quần áo trượt tuyết và quần áo bơi; quần áo khác.	
		- Quần áo bơi:	
	6211.11	-- Dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6211.12	-- Dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6211.20	- Bộ quần áo trượt tuyết	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Quần áo khác, dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai:	
	6211.32	-- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6211.33	-- Từ sợi nhân tạo	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6211.39	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Quần áo khác dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái:	
	6211.42	-- Từ bông	RVC(40) hoặc CC

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
	6211.43	-- Từ sợi nhân tạo	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6211.49	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
62.12		Xu chiêng, gen, áo nịt ngực (corset), dây đeo quần, dây móc bát tất, nịt tất, các sản phẩm tương tự và các chi tiết của chúng, được làm hoặc không được làm từ dệt kim hoặc móc.	
	6212.10	- Xu chiêng	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6212.20	- Gen và quần gen	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6212.30	- Áo nịt toàn thân (corselette)	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6212.90	- Loại khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
62.13		Khăn tay và khăn vuông nhỏ quàng cổ.	
	6213.20	- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6213.90	- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
62.14		Khăn choàng, khăn quàng cổ, khăn choàng rộng đội đầu, khăn choàng vai, mạng che và các loại tương tự.	
	6214.10	- Từ tơ tằm hoặc phế liệu tơ tằm	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6214.20	- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6214.30	- Từ sợi tổng hợp	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6214.40	- Từ sợi tái tạo	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6214.90	- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
62.15		Cà vạt, nơ con bướm và cravat.	
	6215.10	- Từ tơ tằm hoặc phế liệu tơ tằm	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6215.20	- Từ sợi nhân tạo	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			nước thành viên hoặc CC
	6215.90	- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
62.16	6216.00	Găng tay, găng tay hở ngón và găng bao tay.	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
62.17		Hàng phụ kiện may mặc đã hoàn chỉnh khác; các chi tiết của quần áo hoặc của phụ kiện may mặc, trừ các loại thuộc nhóm 62.12.	
	6217.10	- Phụ kiện may mặc	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6217.90	- Các chi tiết	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
CHƯƠNG 63		CÁC MẶT HÀNG DỆT ĐÃ HOÀN THIỆN KHÁC; BỘ VẢI; QUẦN ÁO DỆT VÀ CÁC LOẠI HÀNG DỆT ĐÃ QUA SỬ DỤNG KHÁC; VẢI VỤN	
63.01		Chăn và chăn du lịch.	
	6301.10	- Chăn điện	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
	6301.20	- Chăn (trừ chăn điện) và chăn du lịch, từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			nước thành viên
	6301.30	- Chăn (trừ chăn điện) và chăn du lịch, từ bông	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
	6301.40	- Chăn (trừ chăn điện) và chăn du lịch, từ xơ sợi tổng hợp	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
	6301.90	- Chăn và chăn du lịch khác	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
63.02		Vỏ ga, vỏ gối, khăn trải giường (bed linen), khăn trải bàn, khăn trong phòng vệ sinh và khăn nhà bếp.	
	6302.10	- Vỏ ga, vỏ gối, khăn trải giường (bed linen), dệt kim hoặc móc	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
		- Vỏ ga, vỏ gối, khăn trải giường (bed linen) khác, đã in:	
	6302.21	- - Từ bông	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
	6302.22	- - Từ sợi nhân tạo	CC với điều kiện nguyên

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
	6302.29	-- Từ các vật liệu dệt khác	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
		- Vớ ga, vớ gối, khăn trải giường (bed linen) khác:	
	6302.31	-- Từ bông	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
	6302.32	-- Từ sợi nhân tạo	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
	6302.39	-- Từ các vật liệu dệt khác	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
	6302.40	- Khăn trải bàn, dệt kim hoặc móc	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			nước thành viên
		- Khăn trải bàn khác:	
	6302.51	-- Từ bông	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
	6302.53	-- Từ sợi nhân tạo	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
	6302.59	-- Từ các vật liệu dệt khác	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
	6302.60	- Khăn trong phòng vệ sinh và khăn nhà bếp, từ vải dệt vòng lông hoặc các loại vải dệt vòng lông tương tự, từ bông	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
		- Loại khác:	
	6302.91	-- Từ bông	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
	6302.93	-- Từ sợi nhân tạo	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
	6302.99	-- Từ các vật liệu dệt khác	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
63.03		Màn che (kể cả rèm trang trí) và rèm mờ che phía trong; diềm màn che hoặc diềm giường.	
		- Dệt kim hoặc móc:	
	6303.12	-- Từ sợi tổng hợp	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
	6303.19	-- Từ các vật liệu dệt khác	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
		- Loại khác:	
	6303.91	-- Từ bông	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
	6303.92	-- Từ sợi tổng hợp	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			nước thành viên
	6303.99	-- Từ các vật liệu dệt khác	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
63.04		Các sản phẩm trang trí nội thất khác, trừ các loại thuộc nhóm 94.04.	
		- Các bộ khăn phủ giường (bedspreads):	
	6304.11	-- Dệt kim hoặc móc	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
	6304.19	-- Loại khác	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
	6304.20	- Màn ngủ được chi tiết tại Chú giải Phân nhóm 1 Chương này	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
		- Loại khác:	
	6304.91	-- Dệt kim hoặc móc	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
	6304.92	-- Không dệt kim hoặc móc, từ bông	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
	6304.93	-- Không dệt kim hoặc móc, từ sợi tổng hợp	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
	6304.99	-- Không dệt kim hoặc móc, từ các vật liệu dệt khác	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
63.05		Bao và túi, loại dùng để đóng gói hàng.	
	6305.10	- Từ dây hoặc các loại xơ libe dệt khác thuộc nhóm 53.03	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
	6305.20	- Từ bông	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
		- Từ vật liệu dệt nhân tạo:	
	6305.32	-- Túi, bao đựng hàng loại lớn có thể gấp, mở linh hoạt	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
	6305.33	-- Loại khác, từ dải polyetylen hoặc dải polypropylen hoặc dạng tương tự	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
	6305.39	-- Loại khác	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
	6305.90	- Từ các vật liệu dệt khác	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
63.06		Tấm vải chống thấm nước, tấm che mái hiên và tấm che nắng; tầng (lều) (kể cả mái che tạm thời và các vật dụng tương tự); buồm cho tàu thuyền, ván lướt hoặc ván lướt cát; các sản phẩm dùng cho cắm trại.	
		- Tấm vải chống thấm nước, tấm che mái hiên và tấm che nắng:	
	6306.12	-- Từ sợi tổng hợp	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6306.19	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Tầng (lều) (kể cả mái che tạm thời và các vật dụng tương tự):	
	6306.22	-- Từ sợi tổng hợp	CC

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
	6306.29	- - Từ các vật liệu dệt khác	CC
	6306.30	- Buồm cho tàu thuyền	CC
	6306.40	- Đệm hơi	CC
	6306.90	- Loại khác	CC
63.07		Các mặt hàng đã hoàn thiện khác, kể cả mẫu cắt may.	
	6307.10	- Khăn lau sàn, khăn lau bát đĩa, khăn lau bụi và các loại khăn lau tương tự	CC, ngoại trừ từ 5111 đến 5113, 5208 đến 5212, 5309 đến 5311, 5407, 5408, 5512 đến 5516, 5603, 5801, 5802, 5806, 5903 hoặc 6001 đến 6006
	6307.20	- Áo cứu sinh và đai cứu sinh	RVC(40) hoặc CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một nước thành viên
	6307.90	- Loại khác	RVC(40) hoặc CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một nước thành viên
63.08	6308.00	Bộ vải bao gồm vải dệt thoi và chỉ, có hoặc không có phụ kiện, dùng để làm chăn, thảm trang trí, khăn trải bàn hoặc khăn ăn đã thêu, hoặc các sản phẩm dệt tương tự, đóng gói sẵn để bán lẻ.	CTH
63.09	6309.00	Quần áo và các sản phẩm dệt may đã qua sử dụng khác.	Sản phẩm thuộc phân nhóm này có xuất xứ tại nước thành viên nơi thu được sản phẩm này từ việc sản xuất hoặc tiêu thụ
63.10		Vải vụn, mẫu dây xe, chảo bện (cordage), thừng và cáp đã qua sử dụng hoặc mới và các phế liệu từ vải vụn, dây xe, chảo bện (cordage), thừng hoặc cáp, từ vật liệu dệt.	
	6310.10	- Đã được phân loại	Sản phẩm thuộc phân nhóm

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			này có xuất xứ tại nước thành viên nơi thu được sản phẩm này từ việc sản xuất hoặc tiêu thụ
	6310.90	- Loại khác	Sản phẩm thuộc phân nhóm này có xuất xứ tại nước thành viên nơi thu được sản phẩm này từ việc sản xuất hoặc tiêu thụ
PHẦN XII			
GIÀY, DÉP, MŨ VÀ CÁC VẬT ĐỘI ĐẦU KHÁC, Ô, DÙ, BA TOONG, GẬY TAY CẦM CÓ THỂ CHUYỂN THÀNH GHẾ, ROI, GẬY ĐIỀU KHIỂN, ROI ĐIỀU KHIỂN SỨC VẬT THỎ KÉO VÀ CÁC BỘ PHẬN CỦA CÁC LOẠI HÀNG TRÊN; LÔNG VŨ CHẾ BIẾN VÀ CÁC SẢN PHẨM LÀM TỪ LÔNG VŨ CHẾ BIẾN; HOA NHÂN TẠO; CÁC SẢN PHẨM LÀM TỪ TÓC NGƯỜI			
CHƯƠNG 64		GIÀY, DÉP, GHỆT VÀ CÁC SẢN PHẨM TƯƠNG TỰ; CÁC BỘ PHẬN CỦA CÁC SẢN PHẨM TRÊN	
64.01		Giày, dép không thấm nước có đế ngoài và mũ giày bằng cao su hoặc plastic, mũ giày, dép không gắn hoặc lắp ghép với đế bằng cách khâu, tán đinh, xoáy ốc, cắm đế hoặc các cách tương tự.	
	6401.10	- Giày, dép có mũi gắn kim loại bảo vệ - Giày, dép khác:	RVC(40) hoặc CTH
	6401.92	-- Loại cổ cao quá mắt cá chân nhưng không qua đầu gối	RVC(40) hoặc CTH
	6401.99	-- Loại khác	RVC(40) hoặc CTH
64.02		Các loại giày, dép khác có đế ngoài và mũ giày bằng cao su hoặc plastic.	
		- Giày, dép thể thao:	
	6402.12	-- Giày ống trượt tuyết, giày trượt tuyết băng đông và giày ống gắn ván trượt	RVC(40) hoặc CTH
	6402.19	-- Loại khác	RVC(40) hoặc CTH
	6402.20	- Giày, dép có đai hoặc dây gắn mũ giày với đế bằng chốt cài - Giày, dép khác:	RVC(40) hoặc CTH
	6402.91	-- Giày cổ cao quá mắt cá chân	RVC(40) hoặc CTH
	6402.99	-- Loại khác	RVC(40) hoặc CTH
64.03		Giày, dép có đế ngoài bằng cao su, plastic, da thuộc hoặc da tổng hợp và mũ giày bằng da thuộc.	
		- Giày, dép thể thao:	

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
	6403.12	- - Giày ống trượt tuyết, giày trượt tuyết băng đồng và giày ống gắn ván trượt	RVC(40) hoặc CTH
	6403.19	- - Loại khác	RVC(40) hoặc CTH
	6403.20	- Giày, dép có đế ngoài bằng da thuộc, và mũ giày có đai vòng qua mu bàn chân và quai xỏ ngón chân cái	RVC(40) hoặc CTH
	6403.40	- Giày, dép khác, có mũi gắn kim loại bảo vệ	RVC(40) hoặc CTH
		- Giày, dép khác có đế ngoài bằng da thuộc:	
	6403.51	- - Giày cổ cao quá mắt cá chân	RVC(40) hoặc CTH
	6403.59	- - Loại khác	RVC(40) hoặc CTH
		- Giày, dép khác:	
	6403.91	- - Loại cổ cao quá mắt cá chân	RVC(40) hoặc CTH
	6403.99	- - Loại khác	RVC(40) hoặc CTH
64.04		Giày, dép có đế ngoài bằng cao su, plastic, da thuộc hoặc da tổng hợp và mũ giày bằng vật liệu dệt.	
		- Giày, dép có đế ngoài bằng cao su hoặc plastic:	
	6404.11	- - Giày, dép thể thao, giày tennis, giày bóng rổ, giày thể dục, giày luyện tập và các loại tương tự	RVC(40) hoặc CTH
	6404.19	- - Loại khác	RVC(40) hoặc CTH
	6404.20	- Giày, dép có đế ngoài bằng da thuộc hoặc da tổng hợp	RVC(40) hoặc CTH
64.05		Giày, dép khác.	
	6405.10	- Có mũ giày bằng da thuộc hoặc da tổng hợp	RVC(40) hoặc CTH
	6405.20	- Có mũ giày bằng vật liệu dệt	RVC(40) hoặc CTH
	6405.90	- Loại khác	RVC(40) hoặc CTH
64.06		Các bộ phận của giày, dép (kể cả mũ giày đã hoặc chưa gắn đế trừ đế ngoài); miếng lót của giày, dép có thể tháo rời, đệm gót chân và các sản phẩm tương tự; ghệt, ống ôm sát chân (leggings) và các sản phẩm tương tự, và các bộ phận của chúng.	
	6406.10	- Mũ giày và các bộ phận của chúng, trừ miếng lót bằng vật liệu cứng trong mũ giày	RVC(40) hoặc CC
	6406.20	- Đế ngoài và gót giày, bằng cao su hoặc plastic	RVC(40) hoặc CC

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
	6406.90	- Loại khác	RVC(40) hoặc CC
CHƯƠNG 65		MŨ VÀ CÁC VẬT ĐỘI ĐẦU KHÁC VÀ CÁC BỘ PHẬN CỦA CHÚNG	
65.01	6501.00	Các loại thân mũ hình nón, hình chuông bằng phốt (nỉ, dạ), chưa dựng theo khuôn, chưa làm vành; thân mũ chóp bằng và thân mũ hình trụ (kể cả thân mũ hình trụ đa giác), bằng phốt (nỉ, dạ).	RVC(40) hoặc CC
65.02	6502.00	Các loại thân mũ, được làm bằng cách tết hoặc ghép các dải làm bằng vật liệu bất kỳ, chưa dựng theo khuôn, chưa làm vành, chưa có lót, chưa có trang trí.	RVC(40) hoặc CC
65.04	6504.00	Các loại mũ và các vật đội đầu khác, được làm bằng cách tết hoặc ghép các dải làm bằng chất liệu bất kỳ, đã hoặc chưa có lót hoặc trang trí.	RVC(40) hoặc CTH
65.05	6505.00	Các loại mũ và các vật đội đầu khác, dệt kim hoặc móc, hoặc làm từ ren, nỉ hoặc vải dệt khác, ở dạng mảnh (trừ dạng dải), đã hoặc chưa lót hoặc trang trí; lưới bao tóc bằng vật liệu bất kỳ, đã hoặc chưa có lót hoặc trang trí.	RVC(40) hoặc CTH
65.06		Mũ và các vật đội đầu khác, đã hoặc chưa lót hoặc trang trí.	
	6506.10	- Mũ bảo hộ và các vật đội đầu an toàn khác	RVC(40) hoặc CTH
		- Loại khác:	
	6506.91	- - Bằng cao su hoặc plastic	RVC(40) hoặc CTH
	6506.99	- - Bằng các loại vật liệu khác	RVC(40) hoặc CTH
65.07	6507.00	Băng lót vành trong thân mũ, lớp lót, lớp bọc, cốt, khung, lưới trai và quai, dùng để sản xuất mũ và các vật đội đầu khác.	RVC(40) hoặc CC
CHƯƠNG 66		Ô, DÙ CHE, BA TOONG, GẬY TAY CẦM CÓ THỂ CHUYỂN THÀNH GHÉ, ROI, GẬY ĐIỀU KHIỂN, ROI ĐIỀU KHIỂN SỨC VẬT THỎ KÉO VÀ CÁC BỘ PHẬN CỦA CÁC SẢN PHẨM TRÊN	
66.01		Các loại ô và dù (kể cả ô có cán là ba toong, dù che trong vườn và các loại ô, dù tương tự).	
	6601.10	- Dù che trong vườn hoặc các loại ô, dù tương tự	RVC(40) hoặc CTH
		- Loại khác:	

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
	6601.91	-- Có cán kiểu ống lồng	RVC(40) hoặc CTH
	6601.99	-- Loại khác	RVC(40) hoặc CTH
66.02	6602.00	Ba toong, gậy tay cầm có thể chuyển thành ghế, roi, gậy điều khiển, roi điều khiển súc vật thô, kéo và các loại tương tự.	RVC(40) hoặc CTH
66.03		Các bộ phận, đồ trang trí và đồ phụ trợ cho các mặt hàng thuộc nhóm 66.01 hoặc 66.02.	
	6603.20	- Khung ô, kể cả khung có gắn với cán (thân gậy)	RVC(40) hoặc CC
	6603.90	- Loại khác	RVC(40) hoặc CC
CHƯƠNG 67		LÔNG VŨ VÀ LÔNG TƠ CHẾ BIẾN, CÁC SẢN PHẨM BẰNG LÔNG VŨ HOẶC LÔNG TƠ; HOA NHÂN TẠO; CÁC SẢN PHẨM LÀM TỪ TÓC NGƯỜI	
67.01	6701.00	Da và các bộ phận khác của loài chim có lông vũ hoặc lông tơ, lông vũ, các phần của lông vũ, lông tơ và các sản phẩm làm từ chúng (trừ các mặt hàng thuộc nhóm 05.05 và các ống, lông cánh, lông đuôi đã chế biến).	RVC(40) hoặc CTH
67.02		Hoa, cành, lá, quả nhân tạo và các phần của chúng; các sản phẩm làm bằng hoa, cành, lá hoặc quả nhân tạo.	
	6702.10	- Bằng plastic	RVC(40) hoặc CC
	6702.90	- Bằng các loại vật liệu khác	RVC(40) hoặc CC
67.03	6703.00	Tóc người, đã được chải, chuốt, tẩy hoặc xử lý bằng cách khác; lông cừu hoặc lông động vật khác hoặc các loại vật liệu dệt khác, được chế biến để dùng làm tóc giả hoặc sản phẩm tương tự.	RVC(40) hoặc CC
67.04		Tóc giả, râu, lông mi, lông mày giả, tóc độn và các loại sản phẩm tương tự, bằng tóc người hoặc lông động vật hoặc các loại vật liệu dệt; các sản phẩm bằng tóc người chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác.	
		- Bằng vật liệu dệt tổng hợp:	
	6704.11	-- Bộ tóc giả hoàn chỉnh	RVC(40) hoặc CTH
	6704.19	-- Loại khác	RVC(40) hoặc CTH
	6704.20	- Bằng tóc người	RVC(40) hoặc CTH
	6704.90	- Bằng vật liệu khác	RVC(40) hoặc CTH

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
PHẦN XIII			
SẢN PHẨM BẰNG ĐÁ, THẠCH CAO, XI MĂNG, AMIĂNG, MICA HOẶC CÁC VẬT LIỆU TƯƠNG TỰ; ĐỒ GÓM, SỨ (CERAMIC); THỦY TINH VÀ CÁC SẢN PHẨM BẰNG THỦY TINH			
CHƯƠNG 68		SẢN PHẨM LÀM BẰNG ĐÁ, THẠCH CAO, XI MĂNG, AMIĂNG, MICA HOẶC CÁC VẬT LIỆU TƯƠNG TỰ	
68.01	6801.00	Các loại đá lát, đá lát lề đường và phiến đá lát đường, bằng đá tự nhiên (trừ đá phiến).	RVC(40) hoặc CTH
68.02		Đá làm tượng đài hoặc đá xây dựng đã được gia công (trừ đá phiến) và các sản phẩm làm từ các loại đá trên, trừ các sản phẩm thuộc nhóm 68.01; đá khối dùng để khảm và các loại tương tự, bằng đá tự nhiên (kể cả đá phiến), có hoặc không có lớp lót; đá hạt, đá dăm và bột đá đã nhuộm màu nhân tạo, làm bằng đá tự nhiên (kể cả đá phiến).	
	6802.10	- Đá lát, đá khối và các sản phẩm tương tự, có hoặc không ở dạng hình chữ nhật (kể cả dạng hình vuông), mà mặt lớn nhất của nó có thể nằm gọn trong một hình vuông có cạnh nhỏ hơn 7 cm; đá hạt, đá dăm và bột đá đã nhuộm màu nhân tạo	RVC(40) hoặc CTH
		- Đá làm tượng đài hoặc đá xây dựng khác và các sản phẩm làm từ chúng, mới chỉ cắt hoặc cưa đơn giản, có bề mặt nhẵn hoặc phẳng:	
	6802.21	-- Đá hoa (marble), tra-véc-tin và thạch cao tuyết hoa	RVC(40) hoặc CTH
	6802.23	-- Đá granit	RVC(40) hoặc CTH
	6802.29	-- Đá khác	RVC(40) hoặc CTH
		- Loại khác:	
	6802.91	-- Đá hoa (marble), tra-véc-tin và thạch cao tuyết hoa	RVC(40) hoặc CTH
	6802.92	-- Đá vôi khác	RVC(40) hoặc CTH
	6802.93	-- Đá granit	RVC(40) hoặc CTH
	6802.99	-- Đá khác	RVC(40) hoặc CTH
68.03	6803.00	Đá phiến đã gia công và các sản phẩm làm bằng đá phiến hoặc làm bằng đá phiến kết khối (từ bột đá phiến kết lại thành khối).	RVC(40) hoặc CTH

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
68.04		Đá nghiền, đá mài, đá mài dạng hình tròn và tương tự, không có cốt, dùng để nghiền, mài, đánh bóng, giũa hoặc cắt, đá mài hoặc đá đánh bóng bằng tay, và các phần của chúng, bằng đá tự nhiên, bằng các vật liệu mài tự nhiên hoặc nhân tạo đã được kết khối, hoặc bằng gốm, có hoặc không kèm theo các bộ phận bằng các vật liệu khác.	
	6804.10	- Đá nghiền (thót cối xay) và đá mài để nghiền, mài hoặc xay thành bột	RVC(40) hoặc CTH
		- Đá nghiền, đá mài khác, đá mài dạng hình tròn và dạng tương tự:	
	6804.21	- - Bằng kim cương tự nhiên hoặc kim cương nhân tạo đã được kết khối	RVC(40) hoặc CTH
	6804.22	- - Bằng vật liệu mài đã được kết khối hoặc bằng gốm khác	RVC(40) hoặc CTH
	6804.23	- - Bằng đá tự nhiên	RVC(40) hoặc CTH
	6804.30	- Đá mài hoặc đá đánh bóng bằng tay	RVC(40) hoặc CTH
68.05		Bột mài hoặc hạt mài tự nhiên hoặc nhân tạo, có nền bằng vật liệu dệt, giấy, bìa hoặc các vật liệu khác, đã hoặc chưa cắt thành hình hoặc đã khâu hoặc hoàn thiện bằng cách khác.	
	6805.10	- Trên nền chỉ bằng vải dệt	RVC(40) hoặc CTH
	6805.20	- Trên nền chỉ bằng giấy hoặc bìa	RVC(40) hoặc CTH
	6805.30	- Trên nền bằng vật liệu khác	RVC(40) hoặc CTH
68.06		Sợi xỉ, bông len đá (rock wool) và các loại sợi khoáng tương tự; vermiculite nung nở, đất sét trương nở, xỉ bột và các loại vật liệu khoáng trương nở tương tự; các hỗn hợp và các sản phẩm cách nhiệt, cách âm hoặc các vật liệu khoáng hấp thụ âm, trừ các sản phẩm thuộc nhóm 68.11 hoặc 68.12 hoặc Chương 69.	
	6806.10	- Sợi xỉ, bông len đá (rock wool) và các loại sợi khoáng tương tự (kể cả hỗn hợp của chúng), ở dạng rời, dạng tấm hoặc dạng cuộn	RVC(40) hoặc CTH
	6806.20	- Vermiculite nung nở, đất sét trương nở, xỉ bột và các loại vật liệu khoáng trương nở tương tự (kể cả hỗn hợp của	RVC(40) hoặc CTH

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
		chúng)	
	6806.90	- Loại khác	RVC(40) hoặc CTH
68.07		Các sản phẩm bằng asphalt hoặc bằng vật liệu tương tự (ví dụ, bi-tum dầu mỏ hoặc hắc ín than đá).	
	6807.10	- Dạng cuộn	RVC(40) hoặc CTH
	6807.90	- Loại khác	RVC(40) hoặc CTH
68.08	6808.00	Panel, tấm, tấm lát (tiles), khối và các sản phẩm tương tự làm bằng xơ thực vật, rơm rạ hoặc bằng phoi bào, mặt gỗ, dăm gỗ, mùn cưa hoặc phế liệu khác, bằng gỗ, đã được kết khối bằng xi măng, thạch cao hoặc chất kết dính khoáng khác.	RVC(40) hoặc CTH
68.09		Các sản phẩm làm bằng thạch cao hoặc bằng các hỗn hợp có thành phần cơ bản là thạch cao.	
		- Tấm, lá, panel, tấm lát (tiles) và các sản phẩm tương tự, chưa được trang trí:	
	6809.11	-- Được phủ mặt hoặc gia cố chỉ bằng giấy hoặc bìa	RVC(40) hoặc CTH
	6809.19	-- Loại khác	RVC(40) hoặc CTH
	6809.90	- Các sản phẩm khác	RVC(40) hoặc CTH
68.10		Các sản phẩm bằng xi măng, bằng bê tông hoặc đá nhân tạo, đã hoặc chưa được gia cố.	
		- Tấm lát (tiles), phiến đá lát đường, gạch xây và các sản phẩm tương tự:	
	6810.11	-- Gạch và gạch khối xây dựng	RVC(40) hoặc CTH
	6810.19	-- Loại khác	RVC(40) hoặc CTH
		- Các sản phẩm khác:	
	6810.91	-- Các cấu kiện làm sẵn cho xây dựng hoặc kỹ thuật dân dụng	RVC(40) hoặc CTH
	6810.99	-- Loại khác	RVC(40) hoặc CTH
68.11		Các sản phẩm bằng xi măng-amiăng, bằng xi măng-sợi xenlulô hoặc tương tự.	
	6811.40	- Chứa amiăng	RVC(40) hoặc CTH
		- Không chứa amiăng:	
	6811.81	-- Tấm làn sóng	RVC(40) hoặc CTH
	6811.82	-- Tấm, panel, tấm lát (tiles) và các sản phẩm tương tự khác	RVC(40) hoặc CTH

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
	6811.89	-- Các sản phẩm khác	RVC(40) hoặc CTH
68.12		Sợi amiăng đã được gia công; các hỗn hợp với thành phần cơ bản là amiăng hoặc thành phần cơ bản là amiăng và magie carbonat; các sản phẩm làm từ hỗn hợp đó hoặc làm từ amiăng (ví dụ, chỉ, vải dệt thoi, quần áo, mũ và vật đội đầu khác, giày dép, các miếng đệm), đã hoặc chưa được gia cố, trừ các loại thuộc nhóm 68.11 hoặc 68.13.	
	6812.80	- Bảng crocidolite:	RVC(40) hoặc CTH
		- Loại khác:	
	6812.91	-- Quần áo, phụ kiện quần áo, giày dép và vật đội đầu	RVC(40) hoặc CTH
	6812.99	-- Loại khác	RVC(40) hoặc CTH
68.13		Vật liệu ma sát và các sản phẩm từ vật liệu ma sát (ví dụ, tấm mỏng, cuộn, dải, đoạn, đĩa, vòng đệm, tấm lót), chưa lắp ráp, để làm phanh, côn hoặc các sản phẩm tương tự, với thành phần cơ bản là amiăng, các chất khoáng khác hoặc xenlulo, đã hoặc chưa kết hợp với vật liệu dệt hoặc các vật liệu khác.	
	6813.20	- Chứa amiăng	RVC(40) hoặc CTH
		- Không chứa amiăng:	
	6813.81	-- Lót và đệm phanh	RVC(40) hoặc CTH
	6813.89	-- Loại khác	RVC(40) hoặc CTH
68.14		Mica đã gia công và các sản phẩm làm từ mica, kể cả mica đã được kết khối hoặc tái chế, có hoặc không có lớp nền phụ trợ bằng giấy, bìa hoặc các vật liệu khác.	
	6814.10	- Tấm, tấm mỏng và dải bằng mica đã được kết khối hoặc tái chế, có hoặc không có lớp nền phụ trợ	RVC(40) hoặc CTH
	6814.90	- Loại khác	RVC(40) hoặc CTH
68.15		Các sản phẩm bằng đá hoặc bằng các chất liệu khoáng khác (kể cả xơ carbon, các sản phẩm bằng xơ carbon và các sản phẩm làm bằng than bùn), chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác.	
		- Xơ carbon; các sản phẩm từ xơ carbon	

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
		không phải là các sản phẩm điện; các sản phẩm khác làm từ graphit hoặc carbon khác không phải là các sản phẩm điện:	
	6815.11	-- Xơ carbon	RVC(40) hoặc CTH
	6815.12	-- Vải dệt từ xơ carbon	RVC(40) hoặc CTH
	6815.13	-- Các sản phẩm khác từ xơ carbon	RVC(40) hoặc CTH
	6815.19	-- Loại khác	RVC(40) hoặc CTH
	6815.20	- Sản phẩm từ than bùn	RVC(40) hoặc CTH
		- Các loại sản phẩm khác:	
	6815.91	-- Có chứa magiezit, magiê oxit ở dạng periclase, dolomit kể cả ở dạng dolime, hoặc cromit	RVC(40) hoặc CTH
	6815.99	-- Loại khác	RVC(40) hoặc CTH
CHƯƠNG 69		ĐỒ GỐM, SỨ	
69.01	6901.00	Gạch, gạch khối, tấm lát (tiles) và các loại hàng gốm, sứ khác làm từ bột silic hóa thạch (ví dụ, đất tảo cát, đá tảo silic hoặc diatomit) hoặc từ các loại đất silic tương tự.	RVC(40) hoặc CTH
69.02		Gạch, gạch khối, tấm lát (tiles) chịu lửa và các loại vật liệu xây dựng bằng gốm, sứ chịu lửa tương tự, trừ các sản phẩm làm bằng bột silic hóa thạch hoặc đất silic tương tự.	
	6902.10	- Có hàm lượng trên 50% tính theo khối lượng là một hoặc nhiều nguyên tố magie (Mg), canxi (Ca) hoặc crom (Cr), thể hiện ở dạng magie oxit (MgO), canxi oxit (CaO) hoặc crom oxit (Cr ₂ O ₃)	RVC(40) hoặc CTH
	6902.20	- Có hàm lượng trên 50% tính theo khối lượng là oxit nhôm (Al ₂ O ₃), đioxit silic (SiO ₂) hoặc hỗn hợp hoặc hợp chất của các chất này	RVC(40) hoặc CTH
	6902.90	- Loại khác	RVC(40) hoặc CTH
69.03		Các loại hàng gốm, sứ chịu lửa khác (ví dụ, bình cô cong, nồi nấu kim loại, lò muffle, nút, phích cắm, giá đỡ, chén thử vàng bạc, các loại ống, ống dẫn, bao vỏ, tay cầm và cửa trượt), trừ các sản phẩm làm bằng bột silic hóa thạch hoặc đất silic tương tự.	
	6903.10	- Có hàm lượng trên 50% tính theo khối	RVC(40) hoặc CTH

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
		lượng là carbon tự do	
	6903.20	- Có hàm lượng trên 50% tính theo khối lượng là oxit nhôm (Al ₂ O ₃) hoặc hỗn hợp hoặc hợp chất của oxit nhôm và của dioxit silic (SiO ₂)	RVC(40) hoặc CTH
	6903.90	- Loại khác	RVC(40) hoặc CTH
69.04		Gạch xây dựng, gạch khối lát nền, tấm đỡ hoặc tấm lót và các loại tương tự bằng gốm, sứ.	
	6904.10	- Gạch xây dựng	RVC(40) hoặc CTH
	6904.90	- Loại khác	RVC(40) hoặc CTH
69.05		Ngói lợp, ống khói, chụp ống khói, lớp lót trong ống khói, hàng trang trí kiến trúc và hàng xây dựng bằng gốm, sứ khác.	
	6905.10	- Ngói lợp mái	RVC(40) hoặc CTH
	6905.90	- Loại khác	RVC(40) hoặc CTH
69.06	6906.00	Ống dẫn, máng dẫn, máng thoát nước và các phụ kiện để lắp ráp bằng gốm, sứ.	RVC(40) hoặc CTH
69.07		Các loại phiến lát đường và gạch lát đường, lát nền và lòng lò hoặc gạch ốp tường bằng gốm, sứ; các khối khảm và các loại sản phẩm tương tự bằng gốm, sứ, có hoặc không có lớp nền; các sản phẩm gốm, sứ để hoàn thiện.	
		- Các loại phiến lát đường và gạch lát đường, lát nền và lòng lò hoặc gạch ốp tường trừ loại thuộc phân nhóm 6907.30 và 6907.40:	
	6907.21	- - Cửa loại có độ hút nước không quá 0,5% tính theo trọng lượng	RVC(40) hoặc CTH
	6907.22	- - Cửa loại có độ hút nước trên 0,5% nhưng không quá 10% tính theo trọng lượng	RVC(40) hoặc CTH
	6907.23	- - Cửa loại có độ hút nước trên 10% tính theo trọng lượng	RVC(40) hoặc CTH
	6907.30	- Khối khảm và các sản phẩm tương tự, trừ loại thuộc phân nhóm 6907.40	RVC(40) hoặc CTH
	6907.40	- Các sản phẩm gốm, sứ để hoàn thiện	RVC(40) hoặc CTH
69.09		Đồ gốm sứ dùng trong phòng thí nghiệm, dùng trong lĩnh vực hóa học	